TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HS-PT
Ngày 29-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Đặng Minh Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 78/2018/TLPT-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn P và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TN đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 86/2018/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn P, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1978 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 4, xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Trần Văn N và bà Trần Thị M; có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2589/QĐ-XPVPHC ngày 18/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện TN xử phạt số tiền 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/4/2018 đến ngày 04/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

Các bị cáo bị kháng nghị:

2. Trần Văn H, sinh ngày 17 tháng 1 năm 1981 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 4, xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo:

Không; con ông Trần Ngọc Đ1 và bà Trần Thị L; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/4/2018 đến ngày 04/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.Có mặt.

3. Lê Văn B, sinh ngày 28 tháng 9 năm 1965 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 4, xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn C1 và bà Vũ Thị D; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số 59 ngày 15/8/1985 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản xã hội chủ nghĩa (đã xóa án tích); Bản án số 224 ngày 08/7/1988 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 05 năm tù về tội Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, thời hạn phạt tù tính từ ngày 30/01/1987 (đã xóa án tích); Bản án số 323 ngày 14/9/1995 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 12 năm tù về tội Cướp tài sản của công dân, thời hạn phạt tù tính từ ngày 19/5/1995, ra tù ngày 18/10/2008 (đã xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/4/2018 đến ngày 04/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Nguyễn Kim V, sinh ngày 24 tháng 5 năm 1973 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 4, xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn N1 và bà Đặng Thị D1; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/4/2018 đến ngày 04/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Vũ Quang Đ, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1972 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 4, xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Vũ Quang Công và bà Nguyễn Thị Bứa; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/4/2018 đến ngày 04/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1973 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 4, xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Duy N2 và bà Đặng Thị G; có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/4/2018 đến ngày 04/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Nguyễn Văn C, sinh ngày 22 tháng 9 năm 1973 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 4, xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H2 và bà Hoàng Thị X; có vợ và 03 con; tiền án,

tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/4/2018 đến ngày 04/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. Trần Văn V1, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1965 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 4, xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 4/10; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn V2 và bà Vũ Thị Q; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/4/2018 đến ngày 04/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 26/4/2018,Trần Văn P cùng Nguyễn Kim V, Trần Văn H và Nguyễn Mạnh H1 đến nhà của Lê Văn B chơi. Tại đây, P rủ V, Trần Văn H và Nguyễn Mạnh H1 đánh "xóc đĩa" được thua bằng tiền, V, Văn H, Mạnh H1 đồng ý. P dùng kéo cắt 04 quân vị hình tròn từ lá bài tú lơ khơ sau đó bảo Trần Văn H xuống bếp nhà B lấy bát sứ, đĩa sứ để đánh "xóc đĩa". Cả nhóm thống nhất như sau: Sử dụng 04 quân vị đặt trong đĩa sứ và úp bát sứ lên, người cầm cái xóc theo tùy ý, người tham gia đặt tiền vào cửa "chẵn" hoặc cửa "lẻ" với số tiền tùy theo mỗi người, tỷ lệ được thua là 1:1. P "xóc cái", giam tiền và dùng số tiền 3.500.000 đồng để đánh "xóc đĩa" với V, Trần Văn H và Nguyễn Mạnh H1. Khi đánh " xóc đĩa" V dùng 6.400.000 đồng, Văn H dùng 6.250.000 đồng, Mạnh H1 dùng 4.500.000 đồng để đánh "xóc đĩa". P, V, Văn H, Mạnh H1 đánh được nhiều ván thì Nguyễn Văn C, Vũ Quang Đ, Trần Văn V1 đến nhà B chơi. Thấy P, V, Văn H, Mạnh H1 đánh "xóc đĩa" được thua bằng tiền, C, Đ, V1 cũng tham gia chơi. P tiếp tục "xóc cái", giam tiền. C dùng 3.110.000 đồng, Đ dùng 5.000.000 đồng, V1 dùng 2.070.000 đồng để đánh bạc. Đến khoảng 00 giờ 20 phút ngày 27/4/2018, Lê Văn B đi làm về, thấy đám bạc đang chơi, B vào ngồi xem thì P và Trần Văn H hỏi vay tiền B để đánh bạc, B đồng ý và cho P vay 10.000.000 đồng, Trần Văn H vay 5.000.000 đồng. P, Trần Văn H dùng số tiền B cho vay đánh "xóc đĩa" cùng với Nguyễn Mạnh H1, Nguyễn Văn C, Vũ Quang Đ, Nguyễn Kim V, Trần Văn V1 được nhiều ván đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 27/4/2018 thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ số tiền dưới chiếu bạc là 10.300.000 đồng, 01 thảm trải nhà màu xanh, 01 bát đĩa sứ, 04 quân vụ; Thu giữ trong người Đ 1.900.000 đồng; V1 1.500.000 đồng; V 10.200.000 đồng; Nguyễn Mạnh H1 4.900.000 đồng; Trần Văn H 6.900.000 đồng; P 11.300.000 đồng dùng để đánh bạc. Thu giữa trong người Lê Văn B số tiền 2.600.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 86/2018/HS-ST ngày 28/9/2017, Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng đã căn cứ:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn P: 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo thời hạn tạm giam từ ngày 27/4/2018 đến ngày 04/5/2018.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 , khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo:

Lê Văn B: 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 , khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo:

Trần Văn H: 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án.

Nguyễn Kim V : 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án.

Vũ Quang Đ: 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án.

Nguyễn Mạnh H1: 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án.

Nguyễn Văn C: 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án.

Trần Văn V1: 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án.

Ngoài ra, còn quyết định hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo Bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2018, bị cáo Trần Văn P có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo; ngày 12/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện TN có quyết định kháng nghị phúc thẩm với nội dung: Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, không áp dụng tình tiết "bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và đơn xin bảo lãnh của gia đình có xác nhận của chính quyền địa phường" là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 và không áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo Trần Văn H, Lê Văn B, Nguyễn Mạnh H1, Nguyễn Văn C, Trần Văn V1, Vũ Quang Đ, Nguyễn Kim V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo P bổ sung nội dung kháng cáo: Xin được giảm nhẹ hình phạt; Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung kháng nghị. Việc kháng cáo, bổ sung kháng cáo của bị cáo P tại phiên tòa và kháng nghị của Viện kiểm sát

nhân dân huyện TN trong thời hạn luật định và đúng quy định của pháp luật nên được xem xét giải quyết.

** Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:*

- Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TN.

+ Việc áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo Lê Văn B, Trần Văn H, Nguyễn Mạnh H1, Nguyễn Văn C, Vũ Quang Đ, Nguyễn Kim V, Trần Văn V1 là chưa đúng quy định của pháp luật, bởi:

Việc Tòa án cấp sơ thẩm coi tình tiết các bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và đơn bảo lãnh của gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không đúng. Đối với bị cáo Lê Văn B có hành vi cung cấp tiền cho P, H đánh bạc, nhân thân có nhiều tiền án về tội rất nghiêm trọng; bị cáo chỉ có 1 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên việc Tòa án nhân dân huyện TN cho bị cáo B được hưởng án treo là không đúng quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo.

Đối với các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Mạnh H1, Nguyễn Văn C, Vũ Quang Đ, Nguyễn Kim V, Trần Văn V1: Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 45.830.000 đồng, các bị cáo đánh rất nhiều ván, sát phạt nhau từ 23h ngày 26/4/2018 đến 00h30 ngày 27/4/2018, thời gian xảy ra ban đêm nên gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương do đó, việc cho các bị cáo được hưởng án treo là không đúng quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, không đảm bảo tính nghiêm minh, phòng chống tội phạm.

+ Việc quyết định hình phạt không đảm bảo công bằng giữa các bị cáo đồng phạm: Bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đề xuất, rủ rê, chuẩn bị công cụ để đánh bạc, trực tiếp "xóc cái", giam tiền nên có vai trò cao nhất trong vụ án, nhân thân bị cáo xấu có 1 tiền sự về hành vi đánh bạc chưa được xóa; bị cáo bị xử phạt 24 tháng tù, bằng với các bị cáo khác có vai trò thấp hơn. Tuy nhiên, bị cáo Trần Văn H, Lê Văn B có vai trò thấp hơn bị cáo P, bị cáo H nhân thân chưa có tiền án, tiền sự nhưng mức hình phạt của bị cáo Trần Văn H, Lê Văn B đều 30 tháng tù cao hơn so với bị cáo P là chưa đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công bằng.

- Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Văn P: Bị cáo phạm tội có vai trò cao nhất, là người rủ rê, đề xuất, nhân thân bị cáo có 1 tiền sự chưa được xóa về hành vi đánh bạc. Do đó, bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, sửa bản án sơ thẩm; không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn H, Lê Văn B, Nguyễn Mạnh H1, Nguyễn Văn C, Trần Văn V1, Vũ Quang Đ, Nguyễn Kim V; đồng thời, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo trên. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Văn P, Trần Văn H, Lê Văn B, Nguyễn Mạnh H1, Nguyễn Văn C, Trần Văn V1, Vũ Quang Đ, Nguyễn Kim V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Ngày 27/4/2018, Trần Văn P, Trần Văn H, Nguyễn Mạnh H1, Nguyễn Văn C, Vũ Quang Đ, Nguyễn Kim V, Trần Văn V1 đã có hành vi đánh "xóc đĩa" được thua bằng tiền, Lê Văn B đã có hành vi cho Trần Văn P vay 10.000.000 đồng, Trần Văn H vay 5.000.000 đồng để đánh "xóc đĩa". Tổng số tiền dùng để đánh "xóc đĩa" là 45.830.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn P:

[2] Bị cáo phạm tội có vai trò cao nhất, là người rủ rê, đề xuất, nhân thân bị cáo có 1 tiền sự chưa được xóa về hành vi đánh bạc; theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, bị cáo không có đủ điều kiện được hưởng án treo; tuy nhiên, để đảm bảo công bằng cho các bị cáo trong vụ án cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo P. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo P, giảm hình phạt cho bị cáo; không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TN:

- Đối với việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và việc quyết định hình phạt giữa các bị cáo:

[3] Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự quy định: "Khi quyết định hình phạt, Tòa án còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ nhưng phải ghi rõ trong bản án". Việc nhận định tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là nhận định của Hội đồng xét xử, tuy nhiên, việc bị cáo có đơn xin giảm nhẹ và có đơn bảo lãnh của gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương

không phải là các tình tiết thuộc về nhân thân của bị cáo để có thể xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; các tình tiết này chỉ được xem xét là điều kiện để có thể áp dụng án treo cho bị cáo. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật.

[4] Ngoài ra, theo bản án sơ thẩm nhận định: Bị cáo P là người thực hiện hành vi phạm tội có vai trò cao nhất, là người đề xuất, rủ rê và trực tiếp đánh bạc, bị cáo có ít tình tiết giảm nhẹ hình phạt hơn các bị cáo khác nhưng mức hình phạt của bị cáo P lại ngang bằng với các bị cáo có vai trò thấp hơn và có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn (mức án 24 tháng); ngoài ra, bị cáo Lê Văn B, Trần Văn H có vai trò thấp hơn bị cáo P nhưng lại chịu mức án cao hơn bị cáo P (H, B có mức án 30 tháng). Việc các bị cáo được hưởng án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, không phải là một loại hình phạt chính nhẹ hơn hình phạt tù. Do đó, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đối với các bị cáo là chưa phù hợp và chưa xem xét đến tính chất, mức độ phạm tội của các từng người đồng phạm, chưa đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công bằng. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân huyện TN và giảm một phần hình phạt cho các bị cáo Trần Văn H, Lê Văn B, Nguyễn Mạnh H1, Nguyễn Văn C, Trần Văn V1, Vũ Quang Đ, Nguyễn Kim V.

[5] Ngoài ra, cần kiến nghị Tòa án cấp sơ thẩm xem xét lại việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đối với các vụ án đồng phạm, khi quyết định hình phạt cần phải xem xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm; phải đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công bằng giữa các bị cáo.

+ Đối với kháng nghị không cho các bị cáo Trần Văn H, Lê Văn B, Nguyễn Mạnh H1, Nguyễn Văn C, Trần Văn V1, Vũ Quang Đ, Nguyễn Kim V được hưởng án treo:

[6] Đối với các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Mạnh H1, Nguyễn Văn C, Trần Văn V1, Vũ Quang Đ, Nguyễn Kim V: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo đều không phải là người chủ mưu, khởi xướng; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nơi cư trú rõ ràng, được gia đình bảo lãnh và có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, căn cứ Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự; các bị cáo trên có đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát đối với các bị cáo này.

[7] Đối với bị cáo Lê Văn B: Bị cáo có 03 tiền án nhưng đều đã được xóa án tích, các tiền án của bị cáo đều hơn 10 năm. Trong khoảng thời gian này, bị cáo đã

rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, luôn chấp hành tốt chính sách ở địa phương, không để xảy ra vi phạm pháp luật khác. Trong vụ án này, bị cáo cũng không trực tiếp tham gia chơi bạc mà chỉ cho các bị cáo khác vay tiền. Căn cứ Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, bị cáo B có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo Lê Văn B.

[8] Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, sửa bản án sơ thẩm; giảm hình phạt cho các bị cáo.

[9] Về án phí: Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Sửa Bản án hình sự sơ thẩm, giảm hình phạt cho các bị cáo Trần Văn P, Trần Văn H, Lê Văn B Nguyễn Mạnh H1, Nguyễn Văn C, Vũ Quang Đ, Nguyễn Kim V, Trần Văn V1

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn P: 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ từ ngày 27/4/2018 đến ngày 04/5/2018.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn B: 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 , khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo:

Trần Văn H: 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyễn Kim V: 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vũ Quang Đ: 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyễn Mạnh H1: 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyễn Văn C: 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trần Văn V1: 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trần Văn H, Lê Văn B, Nguyễn Mạnh H1, Nguyễn Văn C, Vũ Quang Đ, Nguyễn Kim V, Trần Văn V1 cho UBND xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, tại địa phương các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ công dân 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định chuyển án treo thành tù giam, buộc bị cáo phải chấp hành.

3. Kiến nghị Tòa án nhân dân huyện TN rút kinh nghiệm trong việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đối với các vụ án đồng phạm, khi quyết định hình phạt cần phải xem xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm; phải đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công bằng giữa các bị cáo.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án số 86/2018/HS-ST ngày 28/9/2017 của Toà án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND TPHP;
- VKSND h. TN;
- PV27 Công an TPHP;
- Công an h. TN;
- TAND h.TN;
- Sở Tư pháp TP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thiệm